

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS - ST

Ngày: 28/4/2021

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hằng.

2. Bà Ngô Thị Luân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2021/TLST - DS ngày 13 tháng 11 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST - DS ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X. Sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Thôn Q, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị V. Sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Thôn 3, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa: bà X có mặt; bà V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Vào ngày 13/8/2019 bà có cho bà V vay số tiền là 50.000.000đ. Khi vay hai bên có viết giấy tờ vay mượn với nhau, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng. Số tiền này bà V hẹn 03 tháng sau sẽ trả. Đến ngày 23/3/2020 bà tiếp tục cho bà V vay số tiền là 60.000.000đ. Số tiền này bà đã chuyển vào tài khoản của bà V, bà V hẹn bà 03 ngày sau sẽ trả cho bà. Đến thời hạn trả nợ bà có yêu cầu bà V trả nhiều lần nhưng bà V không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V

phải trả cho bà số tiền nợ gốc 02 lần vay là 110.000.000đ. Đối với số tiền lãi suất thì bà không yêu cầu bà V phải trả cho bà.

Bị đơn bà Phạm Thị V: Đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục hợp lệ: Niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên Tòa cùng với giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với bà Phạm Thị V nhưng bà V vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà V vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình, bà X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V phải trả lại cho bà số tiền gốc là 110.000.000đ. Đối với số tiền lãi suất thì bà không yêu cầu.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, của Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X buộc bà Phạm Thị V phải trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền gốc là 110.000.000. Đối với số tiền lãi suất do bà X không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn bà Phạm Thị V vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Xuất phát từ việc giữa bà X với bà V có quan hệ vay mượn tiền với nhau. Trong quá trình vay mượn đến thời hạn thanh toán số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận nhưng bà V không trả cho bà X. Vì vậy bà X khởi kiện yêu cầu bà V phải trả lại cho bà số tiền gốc là 110.000.000đ. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của đương sự:*

Qua xem xét lời khai của đương sự, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình, thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là giấy biên nhận ngày 13/8/2019 có nội dung:*Tên tôi là Phạm Thị V.....tôi có mượn của cô X số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).* Giấy nộp tiền ngày 23/3/2020 có nội dung:*Khách hàng nộp tiền: Nguyễn Thị X.....khách hàng nhận tiền: Phạm Thị V.....số tài*

khoản 5404215025919số tiền bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng chẵn...Nội dung: chuyển vào tài khoản của V. Đồng thời Tòa án đã tiến hành xác minh thì được biết số tài khoản 5404215025919 là số tài khoản của bà V. Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định việc bà X có cho bà V vay với tổng số tiền 110.000.000đ là có xảy ra trên thực tế.

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên Tòa cùng với giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với bà V nhưng bà V vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản nêu ý kiến cho Tòa án, không đến Tòa án làm việc theo thông báo của Tòa án. Xét thấy, bà V đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[3.2] Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết mặc dù bà X đã yêu cầu bà V phải trả lại nhiều lần nên bà X khởi kiện yêu cầu bà V phải trả lại số tiền gốc là 110.000.000đ.

Đối với yêu cầu tính lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà X không yêu cầu bà V phải trả tiền lãi suất vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định và phân tích như trên cần buộc bà V phải trả cho bà X số tiền nợ gốc là 110.000.000đ.

[4] *Về án phí:*

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu án phí trên tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X đối với bà Phạm Thị V về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc bà Phạm Thị V phải trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền gốc là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị V phải chịu 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0014901 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/4/2021); Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT – TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Dũng